

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/DSST
Ngày: 16/01/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và góp hui”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Tổ
- Bà Huỳnh Thị Mỹ Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Thanh Dũ – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 267/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 29/12/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Trần Thị Thanh T**, sinh năm xxxx; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh T.

* Bị đơn: **Lê Thị N**, sinh năm: xxxx; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Thanh T là nguyên đơn trình bày:

Chị T có tham gia góp hui và mua hui của chị Lê Thị N là thảo hui nhiều dây hui, đến tháng 7/2023 (AL) chị N tuyên bố úp hui, ngày 20/7/2023 (AL) chị T và chị N đã tổng kết số tiền hui và số tiền chị N vay còn nợ chị T với số tiền là 817.900.000 đồng, làm giấy nợ và chị N có ký và ghi rõ họ tên. Tuy nhiên 02 dây hui mới khai ngày 29/5/2023 không có kết nợ vào giấy nợ ngày 20/7/2023 vì chị N nói để tiếp tục hui chờ người đã hót hui đóng hui chết rồi trả hàng tháng cho chị T nên giấy nợ ngày 20/7/2023 không có tính tiền hui của 02 dây hui ngày 29/5/2023.

Hai dây hụi 29/5/2023 gồm:

- Dây hụi thứ nhất: Dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 29/5/2023 (AL) gồm có 21 phần, mẫn hụi ngày 29/02/2025, chị T tham gia 1 phần đóng được 02 kì với số tiền là 6.800.000 đồng và mua 01 phần với số tiền là 71.400.000 đồng, đến ngày 20/7/2023 (AL) thì chị N bễ hụi. Như vậy, chị N còn nợ chị T 78.200.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 29/5/2023 (AL), gồm có 23 phần, mẫn hụi ngày 29/4/2025, chị T tham gia 06 phần đóng được 02 kì với số tiền là 16.800.000 đồng và mua 04 phần với số tiền là 128.800.000 đồng, đến ngày 20/7/2023 (AL) thì chị N bễ hụi. Sau đó, chị N đã trả được 16.800.000 đồng của 06 phần mà chị T tham gia nên chị N còn nợ lại số tiền mua 04 phần hụi là 128.800.000 đồng.

Tổng cộng hai dây hụi ngày 29/5/2023 và số tiền nợ kết sổ vào ngày 20/7/2023 là 1.024.900.000 đồng. Quá trình thực hiện, chị N không thực hiện như thỏa thuận không trả cho chị T được khoản tiền nào, chị T có đi đòi tiền thì chị N xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho khoản nợ hụi ngày 29/5/2023 nhưng chị N vẫn không trả được khoản tiền nào.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu chị N trả số tiền 1.024.900.000 đồng và yêu cầu chị N trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

* Bị đơn Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tố tụng chị Lê Thị N có ý kiến trình bày như sau: Chị N thống nhất còn nợ chị T số tiền vay và góp hụi là 1.024.900.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh làm ăn gặp rất nhiều khó khăn nên chị N xin chị T cho trả dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T, buộc chị Lê Thị N có nghĩa vụ trả chị Trần Thị Thanh T số tiền hụi còn nợ là 1.024.900.000 đồng, thời gian trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T khởi kiện bị đơn chị Lê Thị N, sinh năm xxxx, ngụ tại ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T số tiền vay và góp hụi là 1.024.900.000 đồng nên quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại Điều 26,

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị N.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện: Chị Trần Thị Thanh T và chị Lê Thị N tự nguyện thỏa thuận vay tiền và góp hụi với nhau. Trong quá trình thực hiện giao dịch góp hụi thì chị N bị bế hụi nên không thể tiếp tục các dây hụi, do đó chị T và chị N đã ngồi lại tổng kết các dây hụi và khoản tiền vay còn nợ xác định chị N còn nợ chị T số tiền là 1.024.900.000 đồng. Quá trình tố tụng chị T và chị N đều thống nhất số tiền vay và góp hụi còn nợ là 1.024.900.000 đồng, chị N đồng ý trả cho chị T số tiền 1.024.900.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy chị T và chị N thỏa thuận thống nhất chị N có nghĩa vụ trả số tiền 1.024.900.000 đồng cho chị T là có cơ sở chấp nhận, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Điều 466 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/20219 của Chính phủ.

[3.2] Về thời gian trả tiền: Chị T yêu cầu chị N trả số tiền 1.024.900.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, chị N do làm ăn khó khăn không đủ khả năng nên xin chị T trả dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được chị T đồng ý, vì trước đó chị T đã tạo điều kiện cho chị N được trả dần mỗi tháng nhưng chị N không thực hiện được. Do đó yêu cầu xin trả dần của chị N là không có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận nên chị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 466 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/20219 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phưởng.

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T.

1/ Buộc chị Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Thanh T số tiền vốn vay và góp hội còn nợ là 1.024.900.000 đồng, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015(Sửa đổi bổ sung năm 2017).

2/ Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 42.747.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm,

Chị Trần Thị Thanh T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 21.553.500 đồng theo biên lai thu số 0029163 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thờ này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- CC.THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh